

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức thi Tiếng Anh để xét miễn học phần và công nhận Chuẩn đầu ra

Nhằm tạo điều kiện cho sinh viên (SV) hoàn tất Chương trình đào tạo (CTĐT) và được xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo đại học thông báo đến SV về việc tổ chức kỳ thi Tiếng Anh để xét miễn học phần và công nhận Chuẩn đầu ra (CĐR) như sau:

1. Đối tượng dự thi: SV theo danh sách (*đính kèm*).

2. Cấu trúc bài thi, hình thức đánh giá: theo cấu trúc bài thi TOEIC

- Bài thi gồm 02 kỹ năng: Nghe và Đọc;
- Số lượng câu hỏi: 100 câu/kỹ năng;
- Thời lượng thi: 120 phút (Không kể thời gian phát đề và thu bài);
- Hình thức thi: Trắc nghiệm tại phòng máy tính;
- Bài thi được xây dựng trên khung tham chiếu CEFR đánh giá năng lực tiếng Anh của sinh viên từ A1 – C2.

3. Xét công nhận Chuẩn đầu ra:

a. Ngành Ngôn ngữ Anh

- Chuyên ngành Biên Phiên Dịch và Giảng Dạy Tiếng Anh : 800;
- Chuyên ngành Anh văn Thương Mại và Truyền thông Doanh Nghiệp : 700.

b. Các ngành không chuyên ngữ

- Chương trình Hoa sen Plus: 700;
- Các ngành học khác: 450.

4. Xét miễn học phần

a. Điều kiện

- SV hiện đang học học phần Tiếng Anh tại trường;
- SV còn nợ nhiều cấp độ Tiếng Anh, đã ngừng học Tiếng Anh tại trường phải quay trở lại học trả nợ và tham gia kỳ thi Tiếng Anh để xét miễn học phần do trường tổ chức để xét miễn các cấp độ còn lại;
- Trường hợp khác, SV làm đơn trình bày để được xem xét.

b. Điểm miễn học phần

- SV khóa 2017 trở về trước;
 - + Chương trình tiếng Việt: 500
 - + Chương trình tiếng Anh: 530
- SV khóa 2018 đến 2020: 530.

5. Thời gian, hình thức đăng ký và lệ phí thi

a. **Thời gian:** từ ngày 28/5/2025 đến ngày 06/6/2025.

b. **Hình thức:** SV dùng điện thoại quét mã QR dưới đây đăng ký online



c. **Lệ phí:** 1.000.000đ (Một triệu đồng)/SV.

Thời gian: đến hết ngày 06/6/2025

Chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng với thông tin:

- Tên tài khoản: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN**

- Số tài khoản: 040 0101 009 1963

- Tên ngân hàng: Ngân hàng Hàng Hải VN (MSB) CN TP. HCM

Quy định nội dung ghi trên Giấy nộp tiền/Chuyển khoản:

MSSV Họ tên SVLP thi Tiếng Anh CĐR T6/2025.

6. Ngày thi, địa điểm thi

a. **Ngày thi:** 15/6/2025 từ 13h30 - 15h30.

b. **Địa điểm:** Cơ sở Thành Thái (7/1 Thành Thái, P.14, Q.10, TP.HCM).

7. Lưu ý

a. SV đăng ký dự thi trên tinh thần tự nguyện, không được hoãn thi và lệ phí thi không được hoàn trả.

b. SV tham dự kỳ thi này sẽ **KHÔNG** được cấp chứng chỉ.

c. Lịch thi được công bố vào ngày **10/6/2025** qua email SV, trên

<http://httsv.hoasen.edu.vn> và <https://www.hoasen.edu.vn/dtdh/>

Mọi thông tin chi tiết về kỳ thi, SV vui lòng liên hệ Bộ phận Khảo thí - Phòng Đào tạo đại học qua email **dt.kt@hoasen.edu.vn** để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- SV theo danh sách đính kèm;
- Các Khoa, Phòng, Trung tâm (để phối hợp);
- Lưu: ĐTDH.

TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Lập

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KỲ THI NỘI BỘ
THÁNG 6/2025**

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên lót	Tên	Khoa	Chuyên ngành
1	2181255	Nguyễn Lam Kim	Huỳnh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH1811
2	2182917	Nguyễn Trần Kim	Vy	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS1811
3	2183690	Trương Phan	Tùng	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH1811
4	2184734	Huỳnh Thị Thu	Sương	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	CP1811
5	2191552	Huỳnh Nhật	Trường	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
6	22000076	Nguyễn Phi	Long	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH20111
7	22002236	Phan Thị Bảo	Ngọc	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
8	22003164	Lê Văn	Tuấn	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
9	22008647	Trần Nguyễn Bình	An	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111
10	22014580	Đào Bích	Ngọc	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH20111
11	2175215	Phạm Ngọc	Thịnh	Khoa Công nghệ thông tin	HQ1711
12	2175480	Lê Quang	Linh	Khoa Công nghệ thông tin	HQ1711
13	2180451	Ngô Minh	Nhật	Khoa Công nghệ thông tin	VT1811
14	2182291	Đình Quốc	Tuấn	Khoa Công nghệ thông tin	QL1811
15	2191786	Hoàng Văn	Huân	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
16	2192110	Đỗ Trung	Hiếu	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
17	2192957	Đỗ Minh	Đức	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
18	2193086	Phạm Trọng	Bảo	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
19	22006180	Nguyễn Phụng	Hằng	Khoa Công nghệ thông tin	HQ20111
20	22012134	Hoàng Công	Kha	Khoa Công nghệ thông tin	QL20111
21	2175279	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	Kinh tế-Quản trị	TV1711
22	2181420	Trần Thị Thúy	An	Kinh tế-Quản trị	TV1811
23	2181767	Nguyễn Châu Thùy	Linh	Kinh tế-Quản trị	NL1811
24	2184361	Nguyễn Thanh	Huy	Kinh tế-Quản trị	TV1811
25	2190366	Nguyễn Đức	Đăng	Kinh tế-Quản trị	TV19111
26	2190699	Phùng Cao Gia	Thuận	Kinh tế-Quản trị	TV19111
27	2190826	Nguyễn Thị Thục	Uyên	Kinh tế-Quản trị	TM19113
28	2191226	Trương Ngọc	Trân	Kinh tế-Quản trị	TV19111
29	2193424	Nguyễn Quỳnh	Như	Kinh tế-Quản trị	TV19111
30	2193817	Âu Thanh	Tùng	Kinh tế-Quản trị	TV19111

31	2195045	Phan Chung	Huy	Kinh tế-Quản trị	TV19112
32	2195326	Nguyễn Văn	Hải	Kinh tế-Quản trị	TV19111
33	22003991	Nguyễn Trần	Khoa	Kinh tế-Quản trị	TV20111
34	22005779	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trình	Kinh tế-Quản trị	TV20111
35	22010544	Đinh Từ Thị Thảo	Hiền	Kinh tế-Quản trị	TV20111
36	22010568	Trương Vạn Thiên	Thanh	Kinh tế-Quản trị	TV20111
37	22011980	Vũ Lê Thảo	Vy	Kinh tế-Quản trị	TV20111
38	22012237	Đồng Đức	Lộc	Kinh tế-Quản trị	VP20111
39	22117657	Nguyễn Thu	Hà	Kinh tế-Quản trị	NL21111
40	2175441	Huỳnh Hồng Mỹ	Kỳ	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1711
41	2190874	Phạm Mai	Anh	Logistics-Thương mại quốc tế	MD19111
42	2194169	Đỗ Thị Ngọc	Anh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
43	2194533	Đặng Minh	Trâm	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
44	22004013	Lê Trung	An	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
45	22005756	Nguyễn Trần Lan	Anh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
46	22012465	Nguyễn Quốc	Huy	Logistics-Thương mại quốc tế	MD20111
47	2180846	Nguyễn Lê Mai	Trâm	Luật-Tâm lý	TL1811
48	2180192	Diệp Thế	Hạo	Marketing-Truyền thông	MK1811
49	2184498	Nguyễn Tấn	Tài	Marketing-Truyền thông	TT1811
50	2190275	Đoàn Kim	Ngân	Marketing-Truyền thông	TT19111
51	2190898	Hồ Huỳnh Trường	Vũ	Marketing-Truyền thông	MKP1912
52	2191212	Nguyễn Thị Thu	Quyên	Marketing-Truyền thông	MK19111
53	2192341	Triệu Ánh	Dương	Marketing-Truyền thông	MKP1912
54	2193279	Trần Thị Cẩm	Tú	Marketing-Truyền thông	MK19112
55	2193461	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Marketing-Truyền thông	MK19111
56	2195657	Phạm Thúy	An	Marketing-Truyền thông	MKP1912
57	22005291	Phan Thanh	Hằng	Marketing-Truyền thông	DM20111
58	22006093	Nguyễn Đình Ngọc	Ánh	Marketing-Truyền thông	TT20111
59	22006278	Huỳnh Thanh	Vy	Marketing-Truyền thông	DM20111
60	22010347	Nguyễn Ánh	Dương	Marketing-Truyền thông	TT20111
61	22011361	Lê Phan Diễm	Mai	Marketing-Truyền thông	MK20111
62	2174648	Huỳnh Ngọc Tuyết	Dung	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
63	2175128	Võ Mai Thùy	Dương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711

64	2180348	Phi Ngọc	Dung	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
65	2180384	Nguyễn Tạ Việt	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
66	2180459	Lê Ngọc Minh	Tâm	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
67	2180577	Võ Phạm Như	Ngọc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
68	2180692	Lữ Hoàng Thanh	Mai	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
69	2180831	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
70	2180924	Huỳnh Thị Kiều	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
71	2180950	Trần Hoàng Trung	Quân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
72	2181028	Hoàng Mai Thảo	Nguyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
73	2181326	Nguyễn Lê Hải	Vân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
74	2181468	Nguyễn Văn	Nhân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
75	2181541	Trần Thái	Ngọc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
76	2181576	Vũ Như	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
77	2181989	Nguyễn Hoàng	Thông	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
78	2182366	Lê Quới	Ân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
79	2182420	Nguyễn Trần Tuyết	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
80	2182557	Lưu Gia	Bảo	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
81	2182560	Trần Lê Mỹ	Ngọc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
82	2182606	Bùi Ngọc	Diệu	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
83	2182616	Võ Đình Ngọc	Ái	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP1811
84	2183366	Đặng Linh	Thảo	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
85	2183423	Nguyễn Tô Kiều	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
86	2183705	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyết	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
87	2183853	Trịnh Thành	Vinh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
88	2183940	Ngô Tấn	Phát	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
89	2183975	Lê Thị Trà	My	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
90	2184023	Đào Nguyễn Tuyết	Trình	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
91	2184561	Nguyễn Hồ Lộc	Thành	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
92	2184597	Đoàn Thị Mai	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
93	2184607	Nguyễn Dịu	Nguyễn	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
94	2185651	Lâm Kim	Phụng	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
95	2185676	Bùi Quý	Hậu	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1811
96	2185743	Vương Thúy	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811

97	2185784	Nguyễn Ngọc Bảo	Khanh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1811
98	2190098	Vũ Nguyễn Dạ	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
99	2190102	Trần Văn	Khoa	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19111
100	2190315	Phạm Lê Thành	Nhân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
101	2190387	Nguyễn Ngọc Yến	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
102	2190502	Trương Thắm	Phương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
103	2190530	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
104	2190681	Nguyễn Thị	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
105	2190907	Trần Nguyễn Bảo	Trân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
106	2190998	Nguyễn Huỳnh	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
107	2191109	Trần Thanh	Trúc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
108	2191118	Hoàng Hồng	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
109	2191130	Lý Ngọc	Tú	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
110	2191153	Lê Vĩnh	Thái	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19111
111	2191176	Hà Lê Ngọc	Tuyết	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
112	2191178	Vũ Thành	Đạt	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19111
113	2191217	Võ Hồng	Trình	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
114	2191338	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
115	2191361	Trần Thị Yến	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
116	2191376	Nguyễn Khoa	Nam	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
117	2191492	Huỳnh Hoài	Thương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
118	2191694	Lê Thị Thụy	Đoan	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
119	2191720	Nguyễn Thị Như	Ý	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
120	2191727	Hoàng Gia	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
121	2192099	Nguyễn Đình	Chương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
122	2192384	Nguyễn Phương	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
123	2192540	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
124	2192597	Nguyễn Khánh	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
125	2192660	Nguyễn Phương	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
126	2192661	Nguyễn Thảo	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
127	2192723	Hồ Thụy Hoàng Ái	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
128	2192759	Lý Minh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
129	2192808	Nguyễn Thị Phương	Trình	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111

130	2192847	Trương An	Nhiên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
131	2192864	Nguyễn Thụy Thùy	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
132	2192954	Nguyễn Xuân	Trúc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
133	2193050	Huỳnh Hoài	Thương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
134	2193089	Nguyễn Thị Khánh	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
135	2193177	Đỗ Lê Anh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
136	2193224	Phạm Thuận	Thiên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
137	2193290	Vũ Ngọc Phi	Yến	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
138	2193318	Phạm Đình	Nghi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
139	2193325	Đỗ Như	Quyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19111
140	2193423	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
141	2193444	Trương Như	Khánh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
142	2193619	Trần Ngọc Anh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
143	2193642	Nguyễn Phước Hà	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19112
144	2193723	Nguyễn Hà	Vân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
145	2193782	Nguyễn Thị Tâm	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19112
146	2193784	Đặng Khánh	An	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
147	2193810	Nguyễn Như	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
148	2193826	Nguyễn Tường	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
149	2193844	Nguyễn Đình Bảo	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
150	2193890	Trần Thị Thảo	My	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
151	2194003	Lê Văn Phúc	Thiện	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
152	2194031	Bùi Thị Hoàng	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
153	2194163	Trần Kiều	My	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19111
154	2194491	Nguyễn Minh	Thức	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
155	2194752	Lưu Kim	Vân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
156	2194841	Lê Thị Thảo	Tiên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
157	2195073	Nguyễn Thị Cẩm	Hoa	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
158	2195098	Đương Cát	Tường	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
159	2195485	Lê Vũ Kim	Hương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
160	2195491	Nguyễn Khánh	Ngọc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TANT19111
161	2195572	Nguyễn Ngọc	Nhã	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19112
162	2195636	Đinh Thị Phương	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111

163	2196233	Lý Trần Gia	Hân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
164	2197215	Đình Yên	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
165	2197264	Nguyễn Y	Nguyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
166	2197464	Hồ Thị Phương	Oanh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
167	2197702	Ngô Bình Phương	Thảo	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
168	2197720	Võ Trung	Thành	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
169	2197850	Trần Lê Nhật	Thi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
170	2197961	Bùi Đăng Minh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
171	2197992	Trần Thu	Trang	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
172	2198379	Chương Thị Tố	Uyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
173	2198465	Lê Xuân	Vũ	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
174	2198599	Lê Nguyễn Tường	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
175	2198731	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19112
176	2198822	Nguyễn Ái	My	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
177	2198938	Bùi Quang	Huy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
178	2198968	Nguyễn Vũ Thắng	Long	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP19111
179	2198981	Huỳnh Thị Ngọc	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
180	2198999	Nguyễn Thiên	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
181	2199022	Nguyễn Ngọc Mỹ	Trân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
182	2199047	Phạm Thị My	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
183	2199080	Phạm Lê Liên	Hương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
184	2199157	Nguyễn Anh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
185	2199163	Phạm Ngọc Kim	Lan	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
186	22000064	Lê Thị Phương	Thanh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
187	22000121	Hoàng Hoài	Hương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
188	22000467	Lê Hồng Thùy	Trang	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
189	22000504	Nguyễn Huỳnh Uyên	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
190	22000513	Nguyễn Trần Anh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
191	22000515	Ngô Thị Kim	Thảo	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
192	22000624	Nguyễn Thông Hải	Yến	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP20111
193	22000756	Đỗ Tấn	Tài	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP20111
194	22000801	Nguyễn Phạm Mỹ	Tiên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
195	22000851	Nguyễn Lê Anh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111

196	22000943	Đào Thanh Hà	Giang	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
197	22001149	Nghiêm Trần Thiệu	Nghi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
198	22001157	Bùi Thị Linh	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
199	22001179	Nguyễn Tấn	Tài	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP20111
200	22002088	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
201	22004703	Nguyễn Hoàng Phương	Nghi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
202	22005290	Nguyễn Thị Minh	Thu	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
203	22005379	Nguyễn Lê Phương	Uyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
204	22005737	Lương Thị Liên	Phuong	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
205	22006142	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
206	22006993	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
207	22007132	Hoàng Nguyễn Xuân	Quỳnh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
208	22007460	Vũ Trần Thanh	Thảo	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
209	22007503	Lê Thị Ngọc	Hân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
210	22007648	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
211	22008009	Phạm Huỳnh Ngọc	Hân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
212	22009082	Nguyễn Mai Mỹ	Hương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
213	22009116	Nguyễn Ngọc Kim	Loan	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
214	22009380	Đinh Thị Thùy	Dương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP20111
215	22010186	Phạm Ngọc	Tuyền	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
216	22010693	Phạm Thùy	An	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
217	22011515	Trần Lê Thiên	Phước	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
218	22011640	Trần Thị Thúy	Hiền	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
219	22011663	Từ Thanh	Trâm	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
220	22011804	Tạ Lê Hằng	Nga	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
221	22011848	Nguyễn Thanh	Tuấn	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
222	22011958	Nguyễn Trình	Trí	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
223	22012140	Nguyễn Ngọc Hồng	Quyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
224	22012336	Đào Thùy	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
225	22012376	Trần Ngọc Ánh	Linh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
226	22012439	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
227	22012795	Đỗ Thái Hoàng	Khánh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
228	22014113	Đinh Kiều Thu	Trang	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111

229	22014140	Nguyễn Nữ Trinh	Nhân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
230	22014143	Trần Huỳnh Bảo	Ngọc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
231	22014201	Lương Nguyễn Hoàng	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
232	22014482	Hoàng Văn	Huân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
233	22014498	Nguyễn Trần Thanh	Thúy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
234	22014750	Trần Thị Thanh	Diễm	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE20111
235	22100038	Nguyễn Hiền	Minh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM21111
236	22103396	Lê Minh Thùy	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE21111
237	22104919	Trần Lưu Tuyết	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE21111
238	22116015	Nguyễn Xuân Quang	Huy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE21111
239	22122708	Nguyễn Minh	Luân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE21111
240	2181013	Nguyễn Tiến	Long	Tài chính-Ngân hàng	TC1811
241	2182129	Hoàng Tô Yến	Nhi	Tài chính-Ngân hàng	KT1811
242	2192343	Vũ Nhật Long	Vy	Tài chính-Ngân hàng	KT19111
243	2193393	Phan Huỳnh Ngọc	Hân	Tài chính-Ngân hàng	KT19111
244	22000552	Nguyễn Hà Nguyệt	Trinh	Tài chính-Ngân hàng	KT20111
245	22010112	Huỳnh Mai Mỹ	Tú	Tài chính-Ngân hàng	KN20111
246	22012523	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	Tài chính-Ngân hàng	TC20111
247	22113894	Ngô Ngọc	Trâm	Tài chính-Ngân hàng	PB21111
248	2183274	Trần Võ Nhật	Vy	Thiết kế-Nội thất	TN1811
249	2192141	Nguyễn Minh	Tuân	Thiết kế-Nội thất	TK19121
250	2192319	Huỳnh Anh	Pha	Thiết kế-Nội thất	DT19111
251	2192947	Huỳnh Thị Kim	Ngân	Thiết kế-Nội thất	DT19111
252	22014683	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	Thiết kế-Nội thất	TN20111
253	2170400	Mai Phước	Huy	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1712
254	2171098	Cao Phát	Tài	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1712
255	2171143	Phạm Thanh	Tâm	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS1711
256	2171304	Trịnh Hùng	Liêm	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1712
257	2180183	Vũ Thị Ngọc	Diệu	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH1811
258	2183264	Nguyễn Ngọc	Như	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1812
259	2181649	Trần Quốc	Huy	Kinh tế-Quản trị	NL1811
260	2171896	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Logistics-Thương mại quốc tế	LG1711
261	2170638	Nguyễn Nhật	Hồng	Luật-Tâm lý	TL1711

262	2175806	Võ Mai	Sương	Marketing-Truyền thông	MK1711
263	2183382	Huỳnh Bích	Châu	Marketing-Truyền thông	MK1811
264	2171291	Thân Anh	Tuấn	Tài chính-Ngân hàng	GF1712
265	2170219	Phạm Trần Hữu	Vinh	Thiết kế-Nội thất	DK1711
266	2161300	Trần Tiểu	Minh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH1611
267	2171187	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1712
268	2173971	Hoàng Mai Bảo	Ngân	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1712
269	2181053	Phạm Nguyễn Tường	Vy	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS1811
270	2184344	Trần Thúy	Loan	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL1812
271	2172122	Trần Hồng	Phúc	Khoa Công nghệ thông tin	PM1711
272	2181536	Phùng Thanh	Hiếu	Khoa Công nghệ thông tin	QL1811
273	2183456	Mai Trương Bảo	Minh	Khoa Công nghệ thông tin	QL1811
274	2170033	Điền Quang	Hiền	Kinh tế-Quản trị	NL1711
275	2171946	Đỗ Phương	Uyên	Kinh tế-Quản trị	TV1711
276	2174241	Nguyễn Trung	Dũng	Kinh tế-Quản trị	TV1711
277	2183156	Lê Thị Thủy	Vi	Kinh tế-Quản trị	TV1811
278	2184106	Nguyễn Hoài	Thương	Kinh tế-Quản trị	NL1811
279	2184129	Phạm Phương	Thảo	Kinh tế-Quản trị	NL1811
280	2171383	Nguyễn Minh	Hằng	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1711
281	2171530	Ngô Thuý	Linh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1711
282	2180514	Huỳnh Thị Phương	Trâm	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1811
283	2180601	Trần Vũ Hải	Nam	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1811
284	2183187	Chung Thể	Trần	Logistics-Thương mại quốc tế	MD1811
285	2184556	Lương Thị Thanh	Thảo	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1811
286	2171455	Nguyễn Hoàng	Khang	Marketing-Truyền thông	MK1711
287	2171948	Lê Ngọc Thanh	Quyên	Marketing-Truyền thông	MK1711
288	2173097	Trần Quốc	Thống	Marketing-Truyền thông	MK1711
289	2173142	Vũ Huy Hồng	Phúc	Marketing-Truyền thông	MK1711
290	2173214	Đào Quý	Nhi	Marketing-Truyền thông	MK1711
291	2184032	Nguyễn Phạm Tuyết	Nhi	Tài chính-Ngân hàng	TC1811
292	2184596	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Tài chính-Ngân hàng	KT1811
293	2181179	Đỗ Hoàng	Gia	Thiết kế-Nội thất	MT1811
294	2181317	Nguyễn Hoàng Bảo	Trần	Thiết kế-Nội thất	TK1812

295	2181886	Nguyễn Đăng	Khoa	Thiết kế-Nội thất	MT1811
296	2183607	Phan Xuân	Thảo	Thiết kế-Nội thất	DT1811
297	2183633	Nguyễn Đình Ngọc	Trần	Thiết kế-Nội thất	DT1811
298	2184679	Đặng Đại	Lợi	Thiết kế-Nội thất	TN1811
299	2190865	Đỗ Thị Thanh	Trâm	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
300	2191090	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
301	2191519	Nguyễn Trí Đức	Minh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
302	2191742	Trương Võ Đăng	Khoa	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19111
303	2193469	Từ Gia	Hào	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
304	2193528	Đỗ Trọng	Nghĩa	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
305	2193741	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
306	2193846	Vũ Thùy	Dung	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19111
307	2193907	Nguyễn Quốc	Đạt	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19112
308	2193993	Lê Thị Cẩm	Mai	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
309	2194105	Hoàng Thị	Hồng	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
310	2198075	Trịnh Nguyễn Mỹ	Tiên	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
311	2191898	Nguyễn Viết Tùng	Sơn	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
312	2194060	Nguyễn Đức	Khương	Khoa Công nghệ thông tin	PM19111
313	2191009	Trương Hoài	Bảo	Kinh tế-Quản trị	TV19112
314	2191029	Lê Ngọc Phương	Trình	Kinh tế-Quản trị	NL19111
315	2191244	Trương Châu Hồng	Thị	Kinh tế-Quản trị	NL19111
316	2194850	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	Kinh tế-Quản trị	TV19112
317	2196532	Phạm Minh	Khang	Kinh tế-Quản trị	TV19111
318	2198271	Nguyễn Đức	Trung	Kinh tế-Quản trị	TV19111
319	2190364	Tất Huân	Huy	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
320	2191234	Trần Thị Xuân	Mai	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
321	2192971	Nguyễn Minh	Châu	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19112
322	2193798	Nguyễn Minh	Nhật	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
323	2194080	Nguyễn Thị	Thanh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
324	2194326	Lê Nguyễn Phương	Thảo	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19112
325	2190051	Nguyễn Hồng	Tài	Marketing-Truyền thông	TT19112
326	2190924	Nguyễn Ngọc	Đức	Marketing-Truyền thông	MK19111
327	2193120	Nguyễn Ngọc	Huân	Marketing-Truyền thông	MK19112

328	2193624	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Marketing-Truyền thông	MK19112
329	2193937	Lê Thị Thu	Ngân	Marketing-Truyền thông	MK19111
330	2190680	Lê Hải	Bằng	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
331	2190958	Hồ Thị Ngọc	Trúc	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
332	2191032	Huỳnh Như	Đào	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
333	2191436	Ngô Nguyễn Thảo	Mi	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19111
334	2191469	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Liên	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
335	2191517	Nguyễn Trương Hải	Đăng	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
336	2191791	Ngô Thị Mai	Chi	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
337	2193162	Phạm Thùy	Trang	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
338	2193442	Lê Thị Kim	Ngân	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19111
339	2193553	Vũ Mai Hồng	Ngọc	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
340	2193630	Trần Ngọc	Cẩm	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
341	2193651	Trần Nguyễn Thục	Kha	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
342	2193871	Đỗ Thị Hồng	Nhung	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
343	2193949	Lê Thị Kim	Hằng	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19111
344	2195239	Trần Thanh Ngọc	Thư	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
345	2195521	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
346	2197829	Lê Gia	Thịnh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19111
347	2198684	Nguyễn Minh	Triết	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
348	2198768	Lương Hoàng	Phong	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
349	2199008	Nguyễn Minh	Thuận	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
350	2199012	Đoàn Minh	Thoa	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19112
351	2195550	Nguyễn Trọng	Huy	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
352	2196991	Trần Thị Xuân	Mai	Khoa Công nghệ thông tin	QL19111
353	2191085	Lưu Kim	Tùng	Kinh tế-Quản trị	TV19112
354	2191474	Nguyễn Thị Thu	Phương	Kinh tế-Quản trị	TV19112
355	2193010	Phan Nguyễn Thanh	Thảo	Kinh tế-Quản trị	TV19112
356	2193189	Võ Lê Uyên	My	Kinh tế-Quản trị	NL19111
357	2193391	Trần Thị Ngọc	Trình	Kinh tế-Quản trị	TV19112
358	2193615	Võ Minh	Trung	Kinh tế-Quản trị	TV19112
359	2193702	Dương Thanh	Thảo	Kinh tế-Quản trị	TV19112
360	2193706	Nguyễn Thị Tường	Vy	Kinh tế-Quản trị	TV19111

361	2193865	Phạm Trần Thanh	Kiều	Kinh tế-Quản trị	NL19111
362	2193911	Trần Thúy	Nga	Kinh tế-Quản trị	TV19111
363	2193987	Văn Tiểu	Mi	Kinh tế-Quản trị	TV19112
364	2194143	Nguyễn Đăng Phương	Thịnh	Kinh tế-Quản trị	TV19112
365	2195289	Lê Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Kinh tế-Quản trị	TV19111
366	2196148	Lê Ngọc Huỳnh	Giang	Kinh tế-Quản trị	TV19111
367	2197761	Nguyễn Nhật	Tân	Kinh tế-Quản trị	TV19111
368	2199048	Lê Văn	Đông	Kinh tế-Quản trị	TV19111
369	2199064	Nguyễn Thanh	Thảo	Kinh tế-Quản trị	TV19111
370	2190808	Lê Đức Nguyên	Khôi	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19111
371	2191789	Phạm Trần Hồng	Gám	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
372	2191907	Ngô Hoàng Anh	Tuấn	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19112
373	2191949	Phạm Đức	Huy	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19111
374	2192728	Nguyễn Ngọc Liễu	Trần	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19111
375	2192849	Lý Thi	Minh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
376	2192897	Nguyễn Trang Mỹ	Châu	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
377	2193044	Đặng Lê Hồng	Nhi	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19112
378	2193110	Trần Thị	Ánh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
379	2193169	Hà Võ Ánh	Hằng	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
380	2193349	Trần Thị Lệ	Hằng	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
381	2193928	Hồ Đắc Kỳ	Anh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
382	2193965	Phan Võ Kim	Cương	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19111
383	2194093	Đỗ Trọng	Hoàng	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
384	2194148	Trương Thị Quỳnh	Như	Logistics-Thương mại quốc tế	MD19111
385	2195035	Nguyễn Tuyết	Nhi	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
386	2195120	Nguyễn Hoàng	Khang	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19111
387	2195214	Phạm Ngọc Thùy	Dung	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
388	2195563	Nguyễn Văn	Dũng	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19112
389	2198216	Phạm Quang	Tuấn	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19111
390	2198702	Phan Như Khánh	Hạ	Logistics-Thương mại quốc tế	NT19111
391	2199308	Lâm Thị Phương	Linh	Logistics-Thương mại quốc tế	LG19112
392	2191398	Nguyễn Hồng	Phúc	Luật-Tâm lý	TL1911
393	2191838	Trần Đặng Lê	Phương	Luật-Tâm lý	TL1911

394	2193722	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Luật-Tâm lý	HN1911
395	2190118	Phạm Phi Khánh	Vân	Marketing-Truyền thông	MK19112
396	2190246	Nguyễn Ngọc	Hiệp	Marketing-Truyền thông	MK19112
397	2190524	Phạm Thái Hà	Phương	Marketing-Truyền thông	TT19112
398	2190679	Nguyễn Anh	Vương	Marketing-Truyền thông	MK19111
399	2190894	Huỳnh Nguyễn Kiều	Oanh	Marketing-Truyền thông	MK19112
400	2190964	Lê Quang Phương	Uyên	Marketing-Truyền thông	MK19111
401	2191328	Trương Văn	Nguyên	Marketing-Truyền thông	MK19112
402	2191486	Vũ Thái	Hiền	Marketing-Truyền thông	MK19111
403	2192882	Nguyễn Thị Mai	Linh	Marketing-Truyền thông	TT19112
404	2193191	Huỳnh Đoàn Minh	Đạt	Marketing-Truyền thông	MK19111
405	2193855	Trương Trọng	Tài	Marketing-Truyền thông	MK19111
406	2194014	Đặng Lê Quốc	Trung	Marketing-Truyền thông	MK19111
407	2194045	Lê Thị	Thanh	Marketing-Truyền thông	MK19112
408	2195046	Lương Gia	Linh	Marketing-Truyền thông	MK19111
409	2195272	Nguyễn Thị Như	Thị	Marketing-Truyền thông	MK19112
410	2196970	Trần Thị Diễm	Mi	Marketing-Truyền thông	TT19111
411	2198844	Lý Gia	Bảo	Marketing-Truyền thông	MK19111
412	2190121	Nguyễn Trung	Vương	Tài chính-Ngân hàng	TC19112
413	2190929	Hứa Ngọc Minh	Châu	Tài chính-Ngân hàng	TC19112
414	2191869	Trần Thị Cẩm	Hạnh	Tài chính-Ngân hàng	TC19112
415	2193201	Ngô Hoàng Tất	Thành	Tài chính-Ngân hàng	KT19111
416	2193729	Võ Ngọc	Hân	Tài chính-Ngân hàng	KT19111
417	2193800	Trần Kim	Anh	Tài chính-Ngân hàng	TC19111
418	2194319	Nguyễn Công	Tú	Tài chính-Ngân hàng	TC19112
419	2194835	Nguyễn Trọng	Nhân	Tài chính-Ngân hàng	KN19111
420	2195395	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Tài chính-Ngân hàng	TC19111
421	2196186	Lê Văn	Đệ	Tài chính-Ngân hàng	TC19111
422	2198924	Đoàn Phương	Thảo	Tài chính-Ngân hàng	TC19112
423	2199123	Nguyễn Trần Hoàng	Yến	Tài chính-Ngân hàng	TC19112
424	2190983	Lý Minh	Trí	Thiết kế-Nội thất	DT19111
425	2192829	Huỳnh Ngọc Ánh	Linh	Thiết kế-Nội thất	DT19111
426	2193504	Đoàn Minh	Nhật	Thiết kế-Nội thất	TK19121

427	2195176	Thái Thị Mai	Trình	Thiết kế-Nội thất	TK19121
428	2198802	Trần Huỳnh Thanh	Nhã	Thiết kế-Nội thất	TK19121
429	2199076	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Thiết kế-Nội thất	TK19121
430	22009432	Phạm Diễm	Kiều	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
431	22006680	Phạm Võ Ngọc	Trân	Khoa Công nghệ thông tin	PM20111
432	22013065	Võ Đăng	Văn	Khoa Công nghệ thông tin	QL20111
433	22013080	Nguyễn Minh	Tấn	Khoa Công nghệ thông tin	QL20111
434	22001131	Nguyễn Lê Thảo	Ngọc	Kinh tế-Quản trị	TV20111
435	22011328	Hoàng Hà	Trang	Kinh tế-Quản trị	TV20111
436	22012286	Lê Duy	Đức	Kinh tế-Quản trị	TV20111
437	22012191	Trần Minh Minh	Tâm	Logistics-Thương mại quốc tế	LG20111
438	22000818	Thái Tường	Vy	Luật-Tâm lý	TL20111
439	22000919	Nguyễn Ngọc Tâm	Thanh	Marketing-Truyền thông	DM20111
440	22001644	Đương Thị Phương	Trâm	Marketing-Truyền thông	DM20111
441	22011619	Nguyễn Thùy Đoan	Trang	Marketing-Truyền thông	DM20111
442	22011672	Huỳnh Thụy Thanh	Thương	Marketing-Truyền thông	DM20111
443	22000096	Phạm Thị Thúy	Vy	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
444	22000179	Hoàng Thị Ngọc	Linh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111
445	22000829	Nguyễn Cao Mỹ	Nhi	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
446	22000920	Đoàn Thúy	Lan	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111
447	22001505	Nguyễn Trọng	Nhân	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
448	22002961	Nguyễn Quang	Kiệt	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
449	22005659	Mai Thị Kiều	Mi	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
450	22007004	Nguyễn Cẩm	Tiên	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
451	22007643	Lê Nguyễn Ái	My	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111
452	22010727	Huỳnh Trần Mai	Quỳnh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
453	22010991	Nguyễn Phương	Thanh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH20111
454	22011369	Nguyễn Ngọc Ánh	Linh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
455	22011463	Nguyễn Tấn	Tài	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111
456	22011641	Lê Thị Kim	Ngân	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111
457	22011993	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
458	22012505	Nguyễn Văn Tiến	Phong	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
459	22013183	Nguyễn Hồng	Trang	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	EM20111

460	22000246	Huỳnh Anh	Phi	Kinh tế-Quản trị	TV20111
461	22000645	Trần Thị Ngân	Quỳnh	Kinh tế-Quản trị	TV20111
462	22000710	Thái Dương	Phúc	Kinh tế-Quản trị	TV20111
463	22000954	Võ Anh	Thi	Kinh tế-Quản trị	TV20111
464	22001054	Phạm Đình	Ân	Kinh tế-Quản trị	TV20111
465	22001507	Trần Tuyết	Nhi	Kinh tế-Quản trị	VP20111
466	22001725	Phạm Tuấn	Kiệt	Kinh tế-Quản trị	TV20111
467	22002021	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Kinh tế-Quản trị	TV20111
468	22002215	Đinh Phương	Thy	Kinh tế-Quản trị	TV20111
469	22003294	Lê Tấn	Phát	Kinh tế-Quản trị	TV20111
470	22006713	Nguyễn Đăng Như	Ý	Kinh tế-Quản trị	VP20111
471	22006935	Phạm Đỗ Phương	Quỳnh	Kinh tế-Quản trị	NL20111
472	22007608	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần	Kinh tế-Quản trị	TV20111
473	22009851	Ngô Gia	Nghi	Kinh tế-Quản trị	TV20111
474	22009911	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Kinh tế-Quản trị	TV20111
475	22010110	Lê Kiều	Kha	Kinh tế-Quản trị	TV20111
476	22010142	Phạm Thị Kim	Ngọc	Kinh tế-Quản trị	TV20111
477	22010850	Lương Thị Mỹ	Nhiều	Kinh tế-Quản trị	TV20111
478	22011458	Nguyễn Quang	Huy	Kinh tế-Quản trị	TV20111
479	22011471	Nguyễn Phước	Thành	Kinh tế-Quản trị	TV20111
480	22011516	Nguyễn Trung	Nguyên	Kinh tế-Quản trị	TV20111
481	22012227	Lê Nữ Quỳnh	Như	Kinh tế-Quản trị	TV20111
482	22012400	Cao Thuý	Vi	Kinh tế-Quản trị	NL20111
483	22013933	Nguyễn Quỳnh	Nhi	Kinh tế-Quản trị	TV20111
484	22014008	Nguyễn Văn	Đức	Kinh tế-Quản trị	TV20111
485	22014610	Võ Cao Yến	Nhi	Kinh tế-Quản trị	TV20111
486	22000118	Trần Quang	Sang	Logistics-Thương mại quốc tế	LG20111
487	22000194	Lê Minh	Nhật	Logistics-Thương mại quốc tế	LG20111
488	22000823	Tăng Minh	Huy	Logistics-Thương mại quốc tế	LG20111
489	22001482	Đỗ Thị Thanh	Hà	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
490	22005788	Nguyễn Lê Yến	Vy	Logistics-Thương mại quốc tế	MD20111
491	22007037	Đinh Lê Quỳnh	Anh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
492	22008312	Võ Thị Phương	Thảo	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111

493	22008453	Trần Thị	Nga	Logistics-Thương mại quốc tế	LG20111
494	22009460	Đỗ Quang	Duy	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
495	22009594	Trần Nguyễn Thái	Bình	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
496	22010066	Đặng Tường	Vi	Logistics-Thương mại quốc tế	MD20111
497	22011110	Võ Tuấn	Kiệt	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
498	22011512	Nguyễn Anh Tường	Vi	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
499	22012086	Trần Tuấn	Kiệt	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
500	22012393	Nguyễn Ngọc Đăng	Na	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
501	22012466	Lương Thị Thùy	Linh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
502	22013031	Nguyễn Thùy	Linh	Logistics-Thương mại quốc tế	LG20111
503	22013487	Nguyễn Thị Cẩm	Trình	Logistics-Thương mại quốc tế	MD20111
504	22013524	Phạm Ngọc	Son	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
505	22014567	Nguyễn Hoàng Lâm	Duy	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
506	22014601	Bùi Phúc	An	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
507	22014661	Võ Ngọc Như	Quỳnh	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
508	22014966	Đinh Thủy Hoa	Biên	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
509	22002230	Hoàng Minh	Tâm	Luật-Tâm lý	TL20111
510	22007256	Nguyễn Khải Hoàng	Anh	Luật-Tâm lý	TL20111
511	22014083	Trần Thị	Liên	Luật-Tâm lý	TL20111
512	22000105	Cổ Minh	Tâm	Marketing-Truyền thông	TT20111
513	22000232	Phan Lê Anh	Vũ	Marketing-Truyền thông	DM20111
514	22000257	Phan Thanh	Trường	Marketing-Truyền thông	MC20111
515	22000363	Nguyễn Văn	Hùng	Marketing-Truyền thông	MK20111
516	22000752	Trần Ngọc	Quý	Marketing-Truyền thông	MK20111
517	22000809	Nguyễn Đức	Thiện	Marketing-Truyền thông	DM20111
518	22000811	Trần Kiều Anh	Nhân	Marketing-Truyền thông	MK20111
519	22000815	Bạch Tâm	Như	Marketing-Truyền thông	DM20111
520	22000816	Huỳnh	Anh	Marketing-Truyền thông	MK20111
521	22001449	Nguyễn Thảo	Hiền	Marketing-Truyền thông	DM20111
522	22001633	Nguyễn Ngọc Uyển	Nhi	Marketing-Truyền thông	DM20111
523	22002577	Châu Kỳ	Phúc	Marketing-Truyền thông	DM20111
524	22002895	An Lê	Huy	Marketing-Truyền thông	TT20111
525	22003440	Trần Trọng	Tín	Marketing-Truyền thông	MC20111

526	22006512	Trần Trúc Hiếu	Quỳnh	Marketing-Truyền thông	TT20111
527	22008220	Trần Gia	Hân	Marketing-Truyền thông	DM20111
528	22009793	Lê Ngô Ái	Xuyên	Marketing-Truyền thông	DM20111
529	22010004	Nguyễn Thị Ngọc	Thoa	Marketing-Truyền thông	MC20111
530	22010007	Huỳnh Thị Anh	Thư	Marketing-Truyền thông	MC20111
531	22010439	Đặng Nguyệt	Quê	Marketing-Truyền thông	DM20111
532	22011437	Đoàn Thị Ngọc	Dung	Marketing-Truyền thông	MK20111
533	22011553	Lê Nguyễn Linh	Chi	Marketing-Truyền thông	MC20111
534	22012006	Phạm Phương	Nhi	Marketing-Truyền thông	MK20111
535	22012251	Trần Võ Quỳnh	Như	Marketing-Truyền thông	DM20111
536	22013656	Đồng Ngọc Thanh	Tú	Marketing-Truyền thông	DM20111
537	22014662	Nguyễn Minh	Nhã	Marketing-Truyền thông	DM20111
538	22000719	Hồng Đoàn Khánh	An	Tài chính-Ngân hàng	KT20121
539	22009182	Nguyễn Anh	Khoa	Tài chính-Ngân hàng	TC20111
540	22013456	Phạm Trần Bảo	Khánh	Tài chính-Ngân hàng	TC20111
541	22013460	Nguyễn Trọng Bảo	Hung	Tài chính-Ngân hàng	TC20111
542	22014495	Hồ Phúc	Khánh	Tài chính-Ngân hàng	TC20111
543	22000499	Trần Vĩnh	Hung	Thiết kế-Nội thất	TN20111
544	22000822	Nguyễn Hoàng Phúc	An	Thiết kế-Nội thất	DT20111
545	22000839	Đỗ Mỹ	Vy	Thiết kế-Nội thất	DK20111
546	22000861	Phạm Đức	Long	Thiết kế-Nội thất	FB20121
547	22007166	Bùi Thị Hải	Yến	Thiết kế-Nội thất	DT20111
548	22010854	Lê Huỳnh	Như	Thiết kế-Nội thất	TK20121
549	22012222	Trần Điền Thái	Chân	Thiết kế-Nội thất	TK20121
550	2172999	Ngô Hồ Đoan	Trang	Marketing-Truyền thông	MK1711
551	2171445	Võ Hoàng Thúy	Quỳnh	Marketing-Truyền thông	MK1711
552	2174515	Đặng Trần Thiên	Thanh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
553	2171006	Trần Phụng	Uyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
554	2172751	Lê Hồng	Hào	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
555	2174544	Huỳnh Yến	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
556	2174491	Đỗ Khánh	Quyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
557	2175118	Lê Anh	Hào	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
558	2174512	Nguyễn Thái	Giàu	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711

559	2174832	Võ Hà	Phương	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM1711
560	2174749	Nguyễn	Khánh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	BP1711
561	2174742	Nguyễn Chung Phương	Vy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
562	2174708	Phạm Thị Cẩm	Nhung	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
563	2174797	Nguyễn Hoàng	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
564	2170180	Dương Thê	Trân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
565	2174802	Trần Huỳnh Cẩm	Tú	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
566	2175420	Bùi Thị Phương	Nga	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
567	2171387	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
568	2174553	Nguyễn Nhật	Duy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE1711
569	2174903	Nguyễn Thị Kiều	Giang	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
570	2174632	Lê Thị Thu	Ngân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
571	2174592	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
572	2170151	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
573	2171861	Nguyễn Thị Minh	Thư	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
574	2174618	Võ Nguyễn Trường	An	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
575	2174698	Phạm Phương	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
576	2174812	Vũ Phương	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
577	2174624	Nguyễn Thục	Uyên	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
578	2170897	Đàm Thảo	Như	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	CC1711
579	2172308	Ngô Thị Mỹ	Loan	Marketing-Truyền thông	TT1711
580	2170335	Nguyễn Thanh	Lộc	Marketing-Truyền thông	TT1711
581	2171741	Hồ Hữu Thị	Huyền	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS1711
582	2173488	Phạm Thanh	Tuyền	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS1711
583	22003037	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Khoa Công nghệ thông tin	QL20111
584	22009382	Phùng Hồ Diệu	Linh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
585	2194515	Ngô Thanh Phước	Thanh	Kinh tế-Quản trị	TV19111
586	2183538	Nguyễn Thảo	Nhi	Logistics-Thương mại quốc tế	NT1811
587	22011377	Trương Mỹ	Quyên	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
588	2191612	Võ Lê Thành	Vinh	Marketing-Truyền thông	TT19111
589	2190012	Đỗ Thị Nhật	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
590	2191111	Nguyễn Văn	Thành	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19112
591	2191895	Trương Thành	Đạt	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111

592	2193878	Nguyễn Bảo	Hân	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM19111
593	2198698	Trần Gia	Nhi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE19111
594	22000302	Ong Thúy	Nghi	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
595	22012048	Lê Nguyễn Đức	Anh	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TM20111
596	22122625	Phạm Gia	Huy	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE21111
597	22140040	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	Ngôn ngữ-Văn hóa quốc tế	TE21111
598	22000100	Lý Quốc	Khải	Thiết kế-Nội thất	TN20111
599	22000666	Trịnh Đức	Anh	Thiết kế-Nội thất	MT20111
600	22001136	Nguyễn Hương	Thịnh	Marketing-Truyền thông	MK20111
601	22001156	Lê Công Phước	Khánh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
602	22001504	Vương Lê Thanh	Phú	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
603	22001750	Nguyễn Thị Kim Hồng	Hạnh	Marketing-Truyền thông	DM20111
604	22002504	Thái Mai Minh	Tâm	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
605	22006494	Lê Thị Hồng	Ngân	Marketing-Truyền thông	DM20111
606	22006572	Lê Nguyễn Phương	Vy	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
607	22009996	Nguyễn Minh	Tiến	Thiết kế-Nội thất	TN20111
608	22011053	Trần Phước	Linh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL20121
609	22011181	Nguyễn Đan	Nhi	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
610	22011378	Tạ Thị Thanh	Thảo	Logistics-Thương mại quốc tế	NT20111
611	22011673	Nguyễn Thị Hoài	Phương	Thiết kế-Nội thất	FB20121
612	22011812	Trần Bảo	An	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS20111
613	22012283	Đặng Quang	Phi	Marketing-Truyền thông	DM20111
614	22012321	Nguyễn Thủy	Tiên	Luật-Tâm lý	TLNL20111
615	22013926	Trịnh Vũ Kiều	Oanh	Kinh tế-Quản trị	TV20111
616	22014613	Võ Thị Tú	My	Luật-Tâm lý	TLNL20111
617	2190480	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	Marketing-Truyền thông	MK19111
618	2190903	Trần Thị Thúy	Quỳnh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH19112
619	2190981	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Thiết kế-Nội thất	DT19111
620	2190985	Nguyễn Hữu	Hào	Kinh tế-Quản trị	NL19111
621	2191503	Vũ Lâm Ngọc	Duyên	Kinh tế-Quản trị	TV19111
622	2191512	Lâm Gia	Bảo	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS19111
623	2191881	Phan Trịnh Như	Phương	Kinh tế-Quản trị	TV19112
624	2192098	Nguyễn Duy	Khang	Marketing-Truyền thông	TT19112

625	2193135	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
626	2195123	Nguyễn Trúc	Phương	Kinh tế-Quản trị	TV19112
627	2195478	Vũ Quốc	Công	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	DL19121
628	2198710	Nguyễn Anh	Tú	Luật-Tâm lý	TL1911
629	2199007	Hoàng Thị Thủy	Tiên	Kinh tế-Quản trị	TV19112
630	2180072	Ngô Trương Tuấn	Minh	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH1811
631	2182758	Cao Hồng	Ngọc	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	NH1811
632	2185176	Mai Vũ Phương	Thanh	Kinh tế-Quản trị	NL1811
633	2170677	Đỗ Mai	Quyên	Logistics-Thương mại quốc tế	LG1711
634	2172173	Phạm Anh	Vũ	Du lịch-Nhà hàng-Khách sạn	KS1711
635	2175015	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	Thiết kế-Nội thất	TN1711